TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Xẹt;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 243/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1983; nơi thường trú: Số 22/5, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thành P, sinh năm 1978; nơi thường trú: Số 22/5, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Võ Thành P chung sống với nhau từ năm 2005, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 136, Quyển số 01, ngày 18/10/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, còn do ông Pthường xuyên uống rượu, không chăm lo gia đình, con cái, nói chuyện tục tĩu, xưng hô mày tao với mẹ vợ.

Vợ chồng đã ly thân từ tháng 04/2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Võ Thành P.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Thị Yến N, sinh ngày 29/3/2006; Võ Thị Yến T, sinh ngày 18/11/2009 và Võ Thành N, sinh ngày 29/7/2013. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), bắt đầu từ tháng 9/2017 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Bà T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên.

Bị đơn ông Võ Thành P trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Võ Thành P thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc T về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc cư xử giữa hai bên gia đình và vấn đề tiền bạc, ông P có uống rượu và xúc phạm mẹ vợ. Ngoài ra, giữa bà T với mẹ và các em ruột của ông P cũng có mâu thuẫn. Bà T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4/2016 cho đến nay. Ông P cũng đã năn nỉ bà T nhiều lần nhưng bà T không đồng ý về sống chung. Tuy nhiên, ông P vẫn còn thương vợ và muốn cùng vợ nuôi dạy con nên không đồng ý ly hôn.

+ *Về con chung*: Ông P thống nhất với lời trình bày của bà T về con chung. Hiện nay các con đang ở với bà T. Ông P không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án cho ly hôn thì ông P đồng ý để bà Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Võ Thị Yến N, Võ Thị Yến T và Võ Thành N. Ông P đồng ý cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 3000.000đ (*Ba triệu đồng*), bắt đầu từ tháng 9/2017 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên ông P có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Thành P.

+ Về con chung: Do bà Nguyễn Thị Ngọc T hiện đang nuôi dưỡng các con chung tên Võ Thị Yến N, Võ Thị Yến T và Võ Thành N; ông Võ Thành P cũng đồng ý giao các con chung nêu trên cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của các con là được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao các con chung cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông Võ Thành P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 con chung mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), bắt đầu từ tháng 9/2017 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Võ Thành P vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ Thành P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Võ Thành P là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 136, Quyển số 01, ngày 18/10/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo các đương sự trình bày là do ông P thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc gia đình, con cái. Từ tháng 4 năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Tháng 02/2017, bà T đã gửi đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông P. Được sự vận động của Tòa án, bà T đã rút đơn nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa

án nhân dân thị xã T đã ban hành quyết định đình chỉ. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng vẫn không thể hòa hợp, không về chung sống với nhau, hiện tại vợ chồng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: " *Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Võ Thành P không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Thị Yến N, sinh ngày 29/3/2006; Võ Thị Yến T, sinh ngày 18/11/2009 và Võ Thành N, sinh ngày 29/7/2013. Khi ly hôn các đương sự thống nhất giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Các con tên Võ Thị Yến N và Võ Thị Yến T đều có nguyện vọng xin được sống với bà T. Xét thấy ý kiến của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của các con chung đủ 07 tuổi trở lên, phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 03 con chung tên Võ Thị Yến N, Võ Thị Yến T và Võ Thành N cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tham gia tố tụng bị đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 09/2017 cho đến khi các con chung tên Võ Thị Yến N, Võ Thị Yến T và Võ Thành N đủ 18 tuổi. Xét thấy ý kiến của bị đơn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Võ Thành P phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc: Tranh chấp ly hôn với bị đơn ông Võ Thành P.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Thành P.

3. Về con chung: Giao 03 con chung tên Võ Thị Yến N, sinh ngày 29/3/2006; Võ Thị Yến T, sinh ngày 18/11/2009 và Võ Thành N, sinh ngày 29/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Thành P phải cấp dưỡng nuôi ba con chung tên Võ Thị Yến N, Võ Thị Yến T, Võ Thành N mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), bắt đầu từ tháng 9/2017 cho đến khi các con chung tên Võ Thị Yến N, Võ Thị Yến T và Võ Thành N đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Võ Thành P đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí:

6.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013014 ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải nộp thêm.

6.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Thành P phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

7. Về quyền kháng cáo:

7.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7.2. Ông Võ Thành P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- THADS thị xã T (01);
- UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hiền